

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn giữa anh Q và chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện ở: Xóm N, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn anh Bùi Xuân Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/1993. Sau khi lấy nhau anh thường đi công tác xa ít có

thời gian về với vợ con và gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 2010 đến nay anh và chị T đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của anh là được xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Bùi Thu T, sinh ngày 09/10/1996; Bùi Anh Q, sinh ngày 08/4/2000 và Bùi Nguyệt Á, sinh ngày 19/01/2009. Hiện con Á đang ở với chị T. Khi ly hôn anh để cho chị T tiếp tục nuôi con Á và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T và cháu Q đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo biên bản lấy lời, lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Anh Q trình bày về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh Q thì công tác ở huyện M sau đó chuyển công tác về huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do hai người ở xa không có sự chia sẻ trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Năm 2000 chị phát hiện anh Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và có con. Chị đã động viên khuyên giải nhưng anh Q vẫn không từ bỏ mà vẫn tiếp tục quan hệ với người phụ nữ đó và có con thứ hai, sau đó không quan tâm đến mẹ con chị nữa. Từ năm 2010 đến nay vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ, anh Bùi Xuân Q xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí..

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh Q trình bày là đúng. Khi ly hôn chị xin nhận tiếp tục nuôi con Á, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T và cháu Q đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản nhưng chị và anh Quy chưa thống nhất thỏa thuận được.

Kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã X.

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân Q và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã Xu, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/1993. Qua kiểm tra sổ hộ khẩu lưu tại xã thì chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu ở xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định nhưng hiện nay chị T không sống ở xã X mà hiện ở xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Anh Bùi Xuân Q không có khẩu tại xã X. Sau khi anh Q và chị T lấy nhau anh Q công tác ở huyện Đ, tỉnh Hà Giang, quá trình chung sống mâu thuẫn giữa anh Q và chị T như thế nào thì địa phương không nắm được. Qua nghe lời trình bày của anh Q và chị T với Tòa án là vợ chồng mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Anh Q và chị T

đều xác định vợ chồng không còn tình cảm hạnh phúc đã tan vỡ anh Q xin ly hôn chị T

nhất trí. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của đương sự để giải quyết cho anh Q và chị T được ly hôn.

Về con chung: Anh Q và chị Thẩm 03 con chung tên là Bùi Thu T, sinh ngày 09/10/1996; Bùi Anh Q, sinh ngày 08/4/2000 và Bùi Nguyệt Á, sinh ngày 19/01/2009. Đối với cháu T và cháu Q đã trưởng thành, anh Q và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp. Đối với cháu Á còn nhỏ, khi ly hôn chị T xin nhận nuôi con Ánh và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, anh Q nhất trí. Vì vậy đề nghị giao cho chị T tiếp tục nuôi con Á và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

* Về tài sản: Anh Q và chị T có tài sản nhưng anh chị chưa thống nhất giải quyết tài sản thì trách nhiệm của anh chị, anh chị không nợ gì với địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Xuân Q và chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con là Bùi Nguyệt Á, sinh ngày 19/01/2009. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân Q và chị Nguyễn Thị T kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung,

vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Anh Q và chị T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ, anh Q xin ly hôn chị T nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Q và chị T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nay anh Q xin ly hôn chị T nhất trí nên HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị T theo quy định Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh Q và chị T có 03 chung tên là Bùi Thu T, sinh ngày 09/10/1996; Bùi Anh Q, sinh ngày 08/4/2000 và Bùi Nguyệt Á, sinh ngày 19/01/2009. Đối với cháu Thủy và cháu Quân đã trưởng thành, anh Quy và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp. Đối với cháu Á còn nhỏ, khi ly hôn chị T xin nhận nuôi con Á, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng, anh Q nhất trí. Xét thấy chị T xin nhận nuôi con Á và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cũng như nguyện vọng của cháu Á xin ở với chị T nên HĐXX sẽ công nhận cho chị T tiếp tục nuôi cháu Á và ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Chị T sau này đề nghị Tòa án xem xét về tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng Bùi Nguyệt Á, sinh ngày 19/01/2009. Anh Bùi Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Xuân Q phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003115 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh Bùi Xuân Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã: 01 bản;
- UBND thị trấn ;01 bản,
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Ngọc Long

